

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Nguyễn Văn Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân
Huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Đại diện VKSND Huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông
Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Tân Yên,
tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
420/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và
gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HNGĐ
ngày 18/5/2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Đoàn Thị D - sinh năm 1978

Nơi cư trú: đường B, phường Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc
Giang. (có mặt)

2- Bị đơn: anh Lê Văn C - sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI D VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn
là chị Đoàn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Lê Văn C năm 2015 trên cơ
sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tân Yên.
Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh C được khoảng 06
tháng thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất
đồng về quản lý, chi tiêu, đóng góp kinh tế trong gia đình. Anh chị đã xảy ra
cãi nhau, anh C và bố anh C đã đánh chị, chị đã báo Công an giải quyết. Chị

đã về nhà để sinh sống từ ngày 20/01/2016, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh C.

Về con chung: chị và anh C có 01 con chung là Lê Đoàn H, sinh ngày 22/02/2017. Hiện nay, cháu H đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng từ sau khi ly hôn đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: chị D yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng từ tháng 6/2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Các yêu cầu, ý kiến khác, chị vẫn giữ nguyên như đã trình bày.

** Tại biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:*

Anh kết hôn với chị Đoàn Thị D năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tân Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị D về nhà anh làm dâu, tình cảm vợ chồng bình thường. Năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn đến cãi nhau, chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không liên lạc với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị D.

Về con chung: anh và chị D có 1 con chung là Lê Đoàn H – sinh ngày 22/02/2017, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn, anh đồng ý để cháu H tiếp tục ở với chị D nhưng anh chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh C giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh C. Giao con chung cho chị D nuôi, anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D 500.000đồng/tháng từ tháng 6/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị D nộp đơn yêu cầu ly hôn anh C, cư trú tại thôn P, xã Q, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải

quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C:

Chị D và anh C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tân Yên nên quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống và xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, chi tiêu kinh tế gia đình. Chị D đã về nhà để sinh sống từ tháng 10/2016, anh chị ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay cả chị D và anh C đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Do vậy, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị D và anh C có 01 con chung là Lê Đoàn H, sinh ngày 22/02/2017. Cháu H ở cùng chị D kể từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, anh C chấp nhận để chị D tiếp tục nuôi cháu H. Xét thấy, cháu H ở với chị D từ nhỏ đến nay, hiện nay sức khỏe, sinh hoạt, học tập của cháu vẫn bình thường nên cần thiết giữ nguyên sự ổn định cuộc sống của cháu. Chị D có đủ điều kiện nuôi con, hiện nay chị đang làm công nhân may tại Công ty ACE ở thành phố Bắc Giang có thu nhập ổn định khoảng 7.000.000đồng/tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của chị D và anh C, giao cháu H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị D anh C và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của cháu H.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị D yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng từ tháng 6/2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng với mức 500.000đồng/tháng. HĐXX thấy, hiện nay cháu H còn nhỏ, cần chi phí sinh hoạt, học tập ít. Chị D làm công nhân có thu nhập đủ để nuôi con, chị cũng được gia đình phụ giúp chăm nom cháu. Còn anh C, theo lời khai của anh và kết quả xác minh tại địa phương thấy, trước đây anh C làm nghề phụ xe bus nhưng đã nghỉ việc hiện nay anh C làm ruộng có mức thu nhập thấp và không ổn định. Ngoài làm ruộng ra, anh C không có nghề phụ gì. Do vậy, HĐXX buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D là 800.000đồng/tháng từ tháng 6/2020 đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu của cháu H và khả năng cấp dưỡng của anh C.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất nên HĐXX áp dụng mức lãi suất phát sinh quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị D và anh C không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh C phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị D và anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị D và anh C: Giao cho chị Đoàn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Đoàn H - sinh ngày 22/02/2017. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn C phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Đoàn Thị D 800.000đồng/tháng từ tháng 6/2020 đến khi cháu Lê Đoàn H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị D có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh C không trả được số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất cho khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

- Chị Đoàn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0006127 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Tân Yên. Xác nhận chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng